

Bản án số: 39/2026/HS-ST
Ngày 20-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vũ Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Tý.
- Ông Vương Tấn Độ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Tiễn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 272/2025/TLST-HS ngày 25/11/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/TLST-HS ngày 05/01/2026 đối với bị cáo:

Lê Hữu T. Giới tính: Nam. Sinh năm: 1986, tại: Thanh Hóa. Hộ khẩu thường trú: khu phố K, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Số E khu phố B, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông: Lê Văn B; Con bà: Nguyễn Thị H; Vợ: Nguyễn Thị N, bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/12/2024 đến ngày 23/01/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; (*Bị cáo có mặt*).

Người bào chữa cho bị cáo T: Luật sư Trần Văn Th - thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; (*Có mặt*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1955. Địa chỉ: đường Q, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (*Vắng mặt*).

2. Công ty TNHH S.

Người đại diện hợp pháp: bà Lê Thị H1 - chức vụ Giám đốc.

Địa chỉ: khu Phố K, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 06/12/2024, Lê Hữu T đến Công ty Cổ phần N, địa chỉ số đường Q, phường A tìm gặp chị Nguyễn Thị T1 là tổng giám đốc công ty để đòi nợ nên nhân viên công ty đã gọi điện trình báo Công an phường. Sau đó, Công an phường Bình Trị Đông A đến mời mọi người về trụ sở làm việc. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Tân thụ lý, điều tra theo thẩm quyền. (Bút lục 106)

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Tân bị cáo Lê Hữu T khai nhận vào ngày 21/10/2023, Lê Hữu T thỏa thuận cho chị Nguyễn Thị T1 vay số tiền 4.500.000.000 đồng, lãi suất quy ước là 0,7%/ngày, thanh toán tiền gốc và lãi bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng, không thu phí hồ sơ, hình thức vay lãi đứng, không có thời hạn vay. Hiện tại, chị T1 đã trả được một phần tiền vay cho T gồm tiền lãi là 1.954.999.999 đồng và tiền gốc là 2.499.999.998 đồng. Cụ thể:

- Ngày 21/10/2023, T chuyển số tiền 4.500.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng ACB, số tài khoản 12244157, chủ tài khoản Lê Hữu T vào số tài khoản 555999978, ngân hàng ACB, chủ tài khoản Nguyễn Thị Bích Th (là tài khoản của con dâu chị T1). Đây là số tiền T chuyển cho chị T1 vay và được chị T1 yêu cầu chuyển khoản vào tài khoản của chị Th. (Bút lục 149-153)

- Ngày 27/10/2023, chị Th chuyển khoản số tiền 370.000.000 đồng cho T. Đây là tiền lãi lần 1 cho 07 ngày mà chị T1 đã yêu cầu chị Th chuyển trả cho T. Lãi suất là 35%/tháng, tương đương 1,17%/ngày, số ngày đóng là 07 ngày, sau khi trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (lãi suất cho vay tối đa bình một tháng là $20\%/365 \times 30 \text{ ngày} = 1,643\%/tháng$), số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 17.260.274 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 352.739.726 đồng, vượt quá 05 lần mức lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự. (Bút lục 149-153)

- Ngày 03/11/2023, chị Th chuyển khoản số tiền 585.000.000 đồng cho T. Đây là tiền lãi chị T1 đã yêu cầu chị Th chuyển trả cho T. Lãi suất là 56%/tháng, tương đương 1,86%/ngày, số ngày đóng là 07 ngày, sau khi trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (lãi suất cho vay tối đa trung bình một tháng là $20\%/365 \times 30 \text{ ngày} = 1,643\%/tháng$), số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 17.260.274 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 567.739.726 đồng, vượt quá 05 lần mức lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự. (Bút lục 149-153)

- Ngày 01/03/2024, chị Đinh Thị Ngọc A (con gái ruột của chị T1) chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng VCB, số tài khoản 0501000079140, chủ tài khoản Đinh Thị Ngọc A vào tài khoản ngân hàng ACB, số tài khoản 12244157, chủ tài

khoản Lê Hữu T với số tiền 499.999.999 đồng. Đây là tiền lãi chị T1 đã yêu cầu chị Ngọc A chuyển trả cho T. Lãi suất là 3%/tháng, tương đương 0.09%/ngày, số ngày đóng là 119 ngày, số tiền lãi là 206.575.341 đồng. Đồng thời, cùng ngày chị Ngọc A chuyển khoản tiếp 03 lần, mỗi lần với số tiền 499.999.999 đồng cho T. Đây là tiền chị T1 đã yêu cầu chị Ngọc A chuyển trả tiền gốc cho T. (Bút lục 149-153)

- Ngày 22/03/2024, chị Th chuyển khoản số tiền 500.000.000 đồng cho T. Đây là tiền lãi chị T1 đã yêu cầu chị Th chuyển trả cho T. Lãi suất là 24%/tháng, tương đương 0.79%/ngày, số ngày đóng là 21 ngày, sau khi trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (lãi suất cho vay tối đa trung bình một tháng là $20\%/365 \times 30 \text{ ngày} = 1,643\%/tháng$), số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 34.520.548 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 465.479.452 đồng, vượt quá 05 lần mức lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự. (Bút lục 149-153)

- Ngày 16/04/2024, chị Th chuyển khoản số tiền 1.000.000.000 đồng cho T. Đây là số tiền chị T1 yêu cầu chị Th chuyển trả tiền gốc cho T. Số tiền gốc chị T1 còn nợ T là 2.000.000.000 đồng. (Bút lục 149-153)

Phù hợp với lời khai của chị Nguyễn Thị T1, bảng sao kê tài khoản ngân hàng và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. T có hành vi cho chị T1 vay số tiền 4.500.000.000 đồng, lãi suất bị can T cho vay dao động từ 3%/tháng đến 56%/tháng, thu lợi bất chính 1.385.958.904 đồng. (Bút lục 181-344)

Đối với chị Nguyễn Thị T1, chị T1 xác nhận đã vay của Lê Hữu T số tiền 4.500.000.000 đồng và đã chuyển trả tiền lãi và tiền gốc cho T với tổng số tiền 4.454.999.996 đồng. Do không sử dụng thành thạo tài khoản ngân hàng trực tuyến trên điện thoại di động nên chị T1 nói T chuyển tiền vay vào tài khoản ngân hàng của chị Nguyễn Thị Bích Th (con dâu của chị T1), đồng thời, chị T1 nhờ chị Thu và chị Đình Thị Ngọc A sử dụng tài khoản ngân hàng chuyển trả tiền vay cho T. Chị T1 yêu cầu tiếp tục trả tiền gốc và tiền lãi theo lãi suất quy định pháp luật. (Bút lục 94-95)

Vật chứng thu giữ:

- 01 (Một) điện thoại di động Iphone 16 Pro Max màu trắng bạc, dung lượng 512 GB, IMEI 1: ***6345, IMEI 2: ***325298, đã qua sử dụng thu giữ của Lê Hữu T sử dụng để liên lạc với chị T1.

- 01 (Một) xe ô tô Kia Carnival, màu đỏ, biển số 61K-**7.47, số khung: RNYNC5BA***10439, số máy: D5HEPH***88, đã qua sử dụng. T sử dụng xe để đi đến nhà chị T1 đòi nợ tiền.

Tại kết luận giám định số 543/KL-KTHS ngày 07/01/2025 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận số khung, số máy nguyên thủy, không bị đục lại số (BL 30). Qua xác minh, xe mô tô trên do Công ty TNHH S, địa chỉ TĐ9266, TĐĐ 43, khu phố V, phường B đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Lê Hữu T cho biết xe ô tô trên là tài sản của Công ty Anh T Phát do

trước đây T làm giám đốc, Công ty mua xe dưới hình thức trả góp cho ngân hàng T (bên nhận thế chấp xe ô tô). Sau đó, từ ngày 22/02/2025, Lê Hữu T đã sang nhượng công ty cho bà Lê Thị H2 làm chủ sở hữu hợp pháp (có thu thập giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên của công ty TNHH S) và bà Lê Thị H2 vẫn thực hiện nghĩa vụ đóng tiền trả góp đầy đủ cho đến nay không vi phạm hợp đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của người liên quan và các chứng cứ khác của vụ án.

Cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 21/07/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Hữu T ra trước Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh đã đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội về hành vi phạm tội của bị cáo đánh giá các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố, luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Lê Hữu T phạm vào tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" và đề nghị xử phạt tiền bị cáo Lê Hữu T từ 250.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng tù; Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp theo quy định pháp luật. Về hình phạt bổ sung: không đề nghị.

Luật sư trình bày: đồng ý với tội danh và mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo Phước. Do hoàn cảnh bị cáo khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo với mức thấp nhất của mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo không tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh và nói lời sau cùng: Bị cáo đã ăn năn, hối cải về lỗi lầm của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, tội danh và các quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành

vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Hữu T đã khai nhận toàn bộ hành vi: Vào ngày 21/10/2023, bị cáo Lê Hữu T có hành vi cho chị Nguyễn Thị T1 vay số tiền 4.500.000.000 đồng, lãi suất dao động từ 3%/tháng đến 56%/tháng ($\approx 36\%/năm$ đến 672%/năm), vượt quá 05 lần mức lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự. Tổng số tiền thu lợi bất chính đã thu thực tế sau khi trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.592.534.246 đồng (trong đó, khoản trả lãi lần 03 từ ngày 04/11/2023 đến ngày 01/3/2024, bà Tuyết đã trả lãi cho T số tiền 499.999.999 đồng tương đương với lãi suất là 3%/tháng tương đương 36%/năm, số tiền thu lợi là 206.575.341 đồng chưa vượt quá 05 lần mức lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự). Tổng số lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thực tế đã thu của người vay 362.465.753 đồng. Như vậy, khoản tiền thu lợi bất chính đáp ứng đủ điều kiện của hành vi cho vay lãi nặng là 1.385.958.904 đồng.

Như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người liên quan, cùng các tài liệu, vật chứng khác thu giữ có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định hành vi nêu trên của bị cáo Lê Hữu T đã phạm vào tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh đánh giá nội dung vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp cố ý phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế, gây mất trật tự an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm áp dụng hình phạt xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[3] Về hình phạt bổ sung: Không.

[4] Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo T nộp lại số tiền gốc cho vay: 2.499.999.998 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Buộc bị cáo T nộp lại số tiền lãi tính theo quy định tại Bộ luật dân sự là 362.465.753 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Buộc chị Nguyễn Thị T1 nộp lại số tiền gốc còn nợ là 2.000.000.002 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với:

- 01 (Một) điện thoại di động Iphone 16 Pro Max màu trắng bạc, dung lượng 512 GB, liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- 01 (Một) xe ô tô Kia Carnival, màu đỏ, biển số 61K-3***7, số khung: RNY*****A8***439, số máy: D5HEPH*****88, đã qua sử dụng. T sử dụng xe để đi đến nhà chị T1 đòi nợ tiền.

Tại kết luận giám định số 543/KL-KTHS ngày 07/01/2025 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận số khung, số máy nguyên thủy, không bị đục lại số (BL 30). Qua xác minh, xe mô tô trên do Công ty TNHH S, địa chỉ TĐ9266, TĐĐ 43, khu phố V, phường B đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Lê Hữu T cho biết xe ô tô trên là tài sản của Công ty S do trước đây T làm giám đốc, Công ty mua xe dưới hình thức trả góp cho ngân hàng C (bên nhận thế chấp xe ô tô). Sau đó, từ ngày 22/02/2025, Lê Hữu T đã sang nhượng công ty cho bà Lê Thị H2 làm chủ sở hữu hợp pháp (có thu thập giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên của công ty TNHH S) và bà Lê Thị H2 vẫn thực hiện nghĩa vụ đóng tiền trả góp đầy đủ cho đến nay không vi phạm hợp đồng. Hội đồng xét xử xét cần trả xe trên cho Công ty TNHH S.

[6] Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo trả lại cho chị Nguyễn Thị T1 tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.592.534.246 đồng; Bà Lê Thị H2 yêu cầu trả lại xe ô tô Kia Carnival, màu đỏ, biển số 61K-***7 trên cho công ty sớm làm phương tiện đi lại.

[7] Về án phí: Bị cáo Lê Hữu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu T: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

2. Về các biện pháp tư pháp: căn cứ vào Điều 46 Bộ luật Hình sự.

+ Buộc bị cáo Lê Hữu T nộp lại số tiền gốc cho vay: 2.499.999.998 đồng (Hai tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi tám đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bị cáo Lê Hữu T nộp lại số tiền lãi tính theo quy định tại Bộ luật dân sự là 362.465.753 đồng (Ba trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Buộc chị Nguyễn Thị T1 nộp lại số tiền gốc còn nợ là 2.000.000.002 đồng (Hai tỷ lẻ hai đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Các điều 584, 585, 590 và 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo trả lại cho chị Nguyễn Thị T1 tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.592.534.246 đồng (Một tỷ năm trăm chín mươi hai triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng).

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động Iphone 16 Pro Max màu Titan tự nhiên, dung lượng 512 GB, IMEI 1: 35461*****5, IMEI 2: 35461*****98;

- Trả lại cho Công ty TNHH S: 01 (Một) xe ô tô Kia Carnival, màu đỏ, biển số 61K-***7, số khung: RNYN****C5BA số máy: D4*****688, đã qua sử dụng.

(Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đang tạm giữ các vật chứng trên theo Phiếu nhập kho số NK25/235TV ngày 01/4/2025).

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Hữu T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 59.776.027 đồng (Năm mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Tp.HCM;
- Công an Tp.HCM;
- THADS Tp.HCM;
- Sở tư pháp Tp.HCM;
- VKSND KV9-Tp.HCM;
- Phòng PV06 – Công an Tp.HCM;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vũ Thanh Phương

